

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 8688:2011

Xuất bản lần 1

**DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH CÁP SỐ
THEO TIÊU CHUẨN DVB-C - TÍN HIỆU TẠI ĐIỂM KẾT NỐI
THUÊ BAO - YÊU CẦU KỸ THUẬT**

*DVB-C Digital cable television service –Signal at subscriber site – Technical
requirement*

HÀ NỘI - 2011

Mục lục

1 Phạm vi áp dụng.....	5
2 Thuật ngữ và định nghĩa	5
3 Ký hiệu và chữ viết tắt	6
4 Yêu cầu kỹ thuật	6
4.1 Mức tín hiệu cao tần	6
4.1.1 Định nghĩa	6
4.1.2 Chỉ tiêu.....	6
4.1.3 Phương pháp xác định	6
4.2 Dải thông mỗi kênh.....	7
4.2.1 Định nghĩa	7
4.2.2 Chỉ tiêu.....	7
4.2.3 Phương pháp xác định	7
4.3 Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số tín hiệu cao tần.....	7
4.3.1 Định nghĩa	7
4.3.2 Chỉ tiêu.....	7
4.3.3 Phương pháp xác định	7
4.4 Tỷ số lỗi điều chế (MER)	7
4.4.1 Định nghĩa	7
4.4.2 Chỉ tiêu.....	8
4.4.3 Phương pháp xác định	8
4.5 Tỷ số lỗi bit (BER).....	8
4.5.1 Định nghĩa.....	8
4.5.2 Chỉ tiêu.....	8
4.5.3 Phương pháp xác định	8
4.6 Tỷ số tín hiệu (RF) trên tạp nhiễu (với $BER = 10^{-4}$).....	9
4.6.1 Định nghĩa	9
4.6.2 Chỉ tiêu.....	9
4.6.3 Phương pháp xác định	9
4.7 Độ rung pha.....	9
4.7.1 Định nghĩa.....	9
4.7.2 Chỉ tiêu.....	9
4.7.3 Phương pháp xác định	10
Phụ lục A (Quy định): Bảng tổng hợp các thông số truyền hình cáp số.....	11
Thư mục tài liệu tham khảo.....	12

Lời nói đầu

TCVN 8688:2011 được xây dựng trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế IEC 60728-1 (2007-09), ETR 101 290, DVB EN 300 429.

TCVN 8688:2011 do Cục Quản lý Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử biên soạn, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Dịch vụ truyền hình cáp số theo tiêu chuẩn DVB-C - Tín hiệu tại điểm kết nối thuê bao - Yêu cầu kỹ thuật

DVB-C Digital cable television service - Signal at subscriber site - Technical requirement

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định mức giới hạn các chỉ tiêu kỹ thuật của tín hiệu truyền hình cáp số theo tiêu chuẩn DVB-C tại điểm kết nối thuê bao truyền hình cáp số.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

2.1

Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (organization and company providing services)

Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình cáp số được cấp phép và hoạt động theo các quy định của Nhà nước.

2.2

Thuê bao (người sử dụng dịch vụ) (subscriber)

Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài sử dụng dịch vụ truyền hình cáp số trên lãnh thổ Việt Nam.

2.3

Phương pháp xác định (determining method)

Phương pháp đo đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật tín hiệu với mức lấy mẫu tối thiểu được quy định để cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị cung cấp dịch vụ áp dụng trong việc đo kiểm chất lượng tín hiệu.

2.4

Điểm kết nối thuê bao truyền hình cáp số (connection point of digital cable television subscriber)

Điểm cuối cùng nhận tín hiệu truyền hình cáp số từ tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (điểm kết nối giữa đường cáp thuê bao và đầu vào đầu thu giải mã truyền hình cáp số).